

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2025/HS-ST
Ngày 27-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hiền

Bà Nông Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 713/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bé Hoàng S**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/7/1997, tại T, tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKKHKT: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng (Trước đây là: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Chỗ ở hiện tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Bé Hoàng C, sinh năm 1969, nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Lý Thị E, sinh năm 1969, nghề nghiệp: Làm ruộng; Vợ: Triệu Thu H, sinh năm 1997, nghề nghiệp: Lao động tự do, cùng trú tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Có 02 con, sinh năm 2022 và 2023; Có 03 anh em ruột, bị cáo là con út.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 21/6/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt tiền là hình phạt chính về tội Tàng trữ hàng cấm, quy định tại khoản 2, Điều 191 Bộ luật Hình sự, ngày 31/8/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 22/12/2023 bị Công an huyện T xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền về hành vi Không tổ giác hành vi sử dụng pháo trái phép.

Nhân thân: Ngày 29/12/2020 bị Công an thành phố C xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt, tạm giam kể từ ngày 15/4/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn K**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21/7/1985, tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng (Trước đây là: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Chỗ ở hiện tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Hoàng Văn L - Đã chết; Con bà: Đàm Thị P, sinh năm 1959; Vợ: Nông Thị P1, sinh năm 1988 cùng làm ruộng và trú tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/5/2025 đến nay.

3. Họ và tên: **Bé Hoàng P2**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29/5/1990, tại T, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng (Trước đây là: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Chỗ ở hiện tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Bé Hoàng C, sinh năm 1969, nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Lý Thị E, sinh năm 1969, nghề nghiệp: Làm ruộng; Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1988, nghề nghiệp: Lao động tự do, cùng trú tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Có 02 con sinh năm 2012, 2016 ; Có 03 anh em ruột, bị cáo là con cả.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/5/2025 đến nay.

4. Họ và tên: **Hoàng Thị D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 27/8/1988, tại T, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng (Trước đây là: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Chỗ ở hiện tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Hoàng Văn R (đã chết); Con bà: Triệu Thị T, sinh năm 1965, nghề nghiệp: Làm ruộng, trú tại:

Xóm V, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Chồng: Bế Hoàng P2, sinh năm 1990, nghề nghiệp: Lao động tự do, trú tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Có 02 con sinh năm 2012, 2016 ; Có 03 chị em ruột, bị cáo là con cả.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 19/7/2024 bị Công an huyện T xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền về hành vi Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/5/2025 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn K, Bế Hoàng P2, Hoàng Thị D: Bà Hà Thị H1 – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.* Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn V.

Trú tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Bà Triệu Thu H.

Trú tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ ngày 06/8/2024 tổ công tác Công an huyện T làm nhiệm vụ tại xóm L, xã Q, huyện T phát hiện 03 người mỗi người đang vác 01 bao tải đi về hướng biên giới V1, tổ công tác yêu cầu 03 người dừng lại thì 02 nam giới chạy thoát và bỏ lại 02 bao tải màu đen, còn người phụ nữ là Hoàng Thị D (sinh năm 1988 trú tại xóm B, xã Q, huyện T) bị giữ lại. Tiến hành kiểm tra 03 bao tải phát hiện bên trong là hộp cat ton chứa các vật nghi là sừng động vật hoang dã, tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc theo quy định. Cùng ngày, các cơ quan chức năng tiến hành kiểm đếm, cân xác định khối lượng xác định: Hộp số 01 do Hoàng Thị D vận chuyển có 78 sừng động vật với khối lượng 16 kilogram; Hộp số 02 có 87 sừng động vật với khối lượng là 18,5 kilogram; Hộp số 03 có 123 sừng động vật với khối lượng 25 kilogram. Tổng số lượng là 288 sừng với khối lượng là 59,5 kilogram.

Ngày 08/8/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T quyết định trưng cầu giám định vật chứng thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 1430

/STTNSV ngày 26/8/2024 của V2 kết luận: Mẫu vật giám định số 01, 02, 03 là sừng của loài Linh dương đười ươi có tên khoa học là ***S1 tatarica***. Loài Linh dương đười ươi S2 tatarica có tên trong phụ lục II Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ban hành kèm theo thông báo số 25/TB - CTVN ngày 17/02/2023 của Cơ quan quản lý C1.

Ngày 28/8/2024 CQCSĐT Công an huyện T yêu cầu định giá tài sản đối với 59,5 kg sừng Linh dương đười ươi. Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL - HĐĐGTS ngày 24/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 16 kg sừng Linh dương có giá 264.000.000 đồng; 18,5 kg sừng Linh dương đười ươi có giá 305.250.000 đồng; 25 kilogam sừng Linh dương đười ươi có giá 412.500.000 đồng. Tổng 59, 5 kg có giá là 981.750.000 đồng.

Mở rộng điều tra xác định được: Đầu tháng 8/2024 Bé Hoàng S (sinh năm 1997, trú tại xóm B, xã Q, huyện T) được một người Trung Quốc tên là L1 liên lạc qua mạng xã hội Wechat thuê Sướng vận chuyển 03 thùng sừng Linh dương sang Trung Quốc qua khu vực mốc 728 thuộc địa phận xóm B, xã Q cho L1 với tiền công là 1.000.000 đồng/01 thùng, Sướng nhận lời. Sau đó S nhận 03 thùng sừng Linh dương với 02 người đàn ông điều khiển xe ô tô chở đến rồi Sướng cất giấu tại một ngôi nhà bỏ hoang ở xóm B, xã Q, huyện T để chuyển sang Trung Quốc. Ngày 05/8/2024 L1 liên lạc yêu cầu S chuyển sừng Linh dương sang Trung Quốc cho L1, sau đó S thuê anh trai của mình là Bé Hoàng P2 (sinh năm 1990 ở cùng xóm với S); Hoàng Thị D (vợ P2); Hoàng Văn K (sinh năm 1985 ở cùng xóm với S) mỗi người vận chuyển 01 thùng sang Trung Quốc với tiền công 200.000 đồng/01 thùng, quá trình thuê S không nói cho P2, D, K biết đó là sừng Linh dương, cả 03 người cùng nhận lời. Đến khoảng 01 giờ ngày 06/8/2024 P2, D, K đến ngôi nhà bỏ hoang tại xóm B, xã Q vận chuyển hàng cho S. Đến nơi Phương vác 01 thùng với khối lượng 18,5 kg, có trị giá 305.250.000 đồng; D vác 01 thùng với khối lượng 16 kg, có trị giá 264.000.000 đồng; Kiểm vác 01 thùng với khối lượng 25 kg, có trị giá 412.500.000 đồng sang Trung Quốc. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày khi P2, D, K vận chuyển đến xóm L, xã Q thì bị lực lượng chức năng phát hiện, thấy vậy P2 cùng K bỏ lại thùng sừng Linh dương chạy thoát, còn D bị giữ lại.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C khởi tố, Bé Hoàng S về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quy định tại điểm e, điểm g, khoản 2, Điều 234 Bộ luật hình sự. Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 về tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 189 Bộ luật hình sự. Hoàng Thị D về tội Vận chuyển trái

phép hàng hoá qua biên giới, quy định tại khoản 1, Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKSCB-P1 ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Bé Hoàng S về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quy định tại điểm e, điểm g, khoản 2, Điều 234 Bộ luật hình sự. Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 về tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 189 Bộ luật Hình sự. Hoàng Thị D về tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, quy định tại khoản 1, Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo là đúng với hành vi đã thực hiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thu H trình bày: Chiếc điện thoại Vivo màu xanh đen được giao nộp qua khám xét, điện thoại này của bà và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Bé Hoàng S là chồng của bà, đề nghị được nhận lại điện thoại để sử dụng.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Bé Hoàng S phạm tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã.

Các bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Bị cáo Hoàng Thị D phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, quy định tại khoản 1, Điều 189 Bộ luật Hình sự.

+ Căn cứ điểm e, điểm g, khoản 2, Điều 234; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bé Hoàng S từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù.

+ Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn K từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

+ Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bé Hoàng P2 từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị D từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.
- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:
 - * Tịch thu tiêu hủy:
 - + 03 thùng cat tông chứa sừng Linh dương
 - + 01 (một) thùng cat tông niêm phong có đóng dấu của V2 và tài nguyên sinh vật.
 - + 01 (một) dây cáp vải màu xanh nhạt
 - + 01 (một) dây cáp vải màu đen có viền trắng
 - + 01 (một) dây cáp dạng sợi bao tải, có buộc dây thừng màu vàng
 - * Trả lại:
 - Trả lại cho bà Triệu Thu H: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh của Bé Hoàng S;
 - Trả lại cho ông Nguyễn Văn V: 01 (một) điện thoại di động gắn 01 sim số thuê bao 0355.011.721, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO.
 - Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị D 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu OPPO.
 - Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn K 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen nhãn hiệu OPPO A3s.

Người bào chữa trình bày tranh luận: Về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Bé Hoàng P2, Hoàng Văn K, Hoàng Thị D nhất trí như luận tội Đại diện Viện kiểm sát trình bày. Gia đình ba bị cáo đều thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhất trí với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo Bé Hoàng P2 và Hoàng Văn K; đối với bị cáo Hoàng Thị D đề nghị xem xét cho bị cáo được hình phạt cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Bé Hoàng S, Bé Hoàng P2, Hoàng Văn K nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo Bé Hoàng P2, Hoàng Văn K nhất trí với người bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Hoàng Thị D nhất trí với người bào chữa, đề nghị không xử phạt tù đối với bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất. Bị cáo Hoàng Thị D xin không bị hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng hành vi các bị cáo thực hiện. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp nhau về thời gian, việc trao đổi vận chuyển số sừng linh dương từ nội địa Việt Nam sang Trung Quốc; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 05/8/2024 Bé Hoàng S được một người Trung Quốc thuê vận chuyển 03 thùng sừng Linh dương dài nguyên thuộc Phụ lục II về động vật hoang dã nguy cấp, có khối lượng là 59,5 kg với trị giá là **981.750.000** đồng từ xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng sang Trung Quốc với tiền công là 3.000.000 đồng. Khoảng 01 giờ ngày 06/8/2024 S thuê Hoàng Văn K vận chuyển 01 thùng có khối lượng 25 kg với trị giá là **412.500.000** đồng; thuê Bé Hoàng P2 vận chuyển 01 thùng có khối lượng 18,5 kg với trị giá là **305.250.000** đồng; thuê Hoàng Thị D vận chuyển 01 thùng có khối lượng 16 kg với trị giá là **264.000.000** đồng sang Trung Quốc. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, khi K, P2, D vận chuyển đến xóm L, xã Q, huyện T thì bị phát hiện. Do chưa vận chuyển trót lọt sừng Linh dương sang Trung Quốc nên S, K, P2, D chưa nhận được tiền công.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về các quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo danh mục động vật hoang dã thuộc Phụ lục III Công ước CITES; hành vi của các bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2, Hoàng Thị D xâm phạm đến chính sách quản lý về ngoại thương của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà đối tượng

bị tác động là sản phẩm của động vật hoang dã, gây tình trạng mất an ninh khu vực biên giới.

Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo Bé Hoàng S đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quy định tại điểm e, điểm g, khoản 2, Điều 234 Bộ luật Hình sự. Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 về tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 189 Bộ luật Hình sự. Hoàng Thị D về tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, quy định tại khoản 1, Điều 189 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy hành vi của bị cáo Bé Hoàng S là hành vi phạm tội đơn lẻ nhưng có mối quan hệ với ba bị cáo còn lại. Bị cáo Bé Hoàng S biết rõ sừng Linh dương không được phép mua bán nhưng bị cáo vẫn thuê người vận chuyển hàng sang Trung Quốc; các bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2, Hoàng Thị D vì mục đích lợi nhuận được hưởng tiền công mà bất chấp quy định pháp luật, biết rõ pháp luật cấm nhưng vẫn nhận vận chuyển hàng hóa không được phép mua bán, ba bị cáo có vai trò ngang nhau.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Các bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Bé Hoàng S có nhân thân xấu, có 01 tiền án , 01 tiền sự phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Thị D đã từng bị xử phạt hành chính; các bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo Bé Hoàng S: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đến cơ quan công an đầu thú về hành vi phạm tội ngày 22/8/2024, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn K: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, gia đình thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do đó bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Bé Hoàng P2: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, gia đình thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Thị D: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính:

Trong vụ án, bị cáo Bé Hoàng S thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo Hoàng Thị D ít nghiêm trọng nhưng có nhân thân xấu, do đó phải áp dụng hình phạt tù đối với hai bị cáo này. Bị cáo Hoàng Thị D là người có tiền sự, không đảm bảo điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo đề nghị của người bào chữa.

Bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ, trong đó có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo.

Đối với bị cáo Bé Hoàng P2: Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án bị cáo Bé Hoàng P2 và Hoàng Thị D là hai vợ chồng, trong đó bị cáo Hoàng Thị D đã bị áp dụng hình phạt tù, vì vậy cần áp dụng chính sách nhân đạo của pháp luật và căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử nhận định: không nhất thiết phải cách ly hai bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Điều đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên

đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy, các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử xét thấy:

- Cần trả lại các tài sản sau do không liên quan đến hành vi phạm tội:
- + Trả lại cho bà Triệu Thu H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo.
- + Trả lại cho ông Nguyễn Văn V 01 điện thoại Vivo.
- + Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị D 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO.
- + Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn K 01 điện thoại OPPO.
- Cần tịch thu tiêu hủy số sừng linh dương bị thu giữ.

[8] Các nội dung khác:

Đối với người thuê và người vận chuyển sừng Linh dương đến cho Bé Hoàng S, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để mở rộng điều tra làm rõ.

[9] Về án phí: Các bị cáo Bé Hoàng S, Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2, Hoàng Thị D được miễn án phí do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh:

Bị cáo Bé Hoàng S phạm tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã.

Bị cáo Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2 phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Bị cáo Hoàng Thị D phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

2. Về hình phạt và Điều luật áp dụng:

+ Căn cứ điểm e, điểm g, khoản 2, Điều 234, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bé Hoàng

S 48 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/4/2025.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 189, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 xử phạt bị cáo Hoàng Thị D 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

+ Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 17 xử phạt bị cáo Bé Hoàng P2 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Triệu Thu H: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh của Bé Hoàng S; số IMEI 1: 866243058798017; IMEI 2: 866243058798009, màu xanh, đã qua sử dụng, mặt sau nứt vỡ.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn V: 01 (một) điện thoại di động gắn 01 sim số thuê bao 0355.011.721, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO V2043, màu xanh của Nguyễn Văn V; số IMEI 1: 865732057543359; IMEI 2: 865732057543342, đã qua sử dụng, mặt kính trước nứt vỡ.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị D 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu OPPO A16K của Hoàng Thị D; số IMEI 1: 866892054530210; IMEI 2: 866892054530202, đã qua sử dụng, mặt kính trước nứt vỡ.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn K 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen nhãn hiệu OPPO A3s của Hoàng Văn K; số IMEI 1: 869347034280953; IMEI 2: 869347034280946, màu đen, đã qua sử dụng, mặt kính trước nứt vỡ.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 (ba) thùng cát tông chứa sừng Linh dương được niêm phong đánh thứ tự “thùng số 01”, “thùng số 02”, “thùng số 03”.

+ 01 (một) thùng cát tông niêm phong có đóng dấu của V2 và tài nguyên sinh vật.

+ 01 (một) dây cáp vải màu xanh nhạt

+ 01 (một) dây cáp vải màu đen có viền trắng

+ 01 (một) dây cáp dạng sợi bao tải, có buộc dây thừng màu vàng

Xác nhận các vật chứng trên được tạm giữ tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 114 ngày 22 tháng 7 năm 2025.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bé Hoàng S , Hoàng Văn K, Bé Hoàng P2, Hoàng Thị D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình được ghi trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình được ghi trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án.

Nơi nhận:

- VCTVKSXXPT tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQCSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu toà Hình sự;
- Lưu tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na

